TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**50**/2024/HS-ST
Ngày 29-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Hữu Bình và ông Trần Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phàn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HS ngày 17/5/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/11/1990 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967 và bà Hà Thị Phương A, sinh năm 1972; vợ: Lê Hồng P, sinh năm 1995; con Nguyễn Tuấn T1, sinh năm 2015.

- Tiền án; tiền sự: không

- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000697/QĐ-XPHC ngày 26/8/2022 của Công an thành phố T về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Cao Đức C, sinh ngày 24/5/1986

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Vũ Trà M sinh ngày 24/02/1998.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Ông Phạm Hồng S, sinh ngày 26/4/1985

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Bà Bàn Thị S1, sinh ngày 29/11/1997

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà F, chung cư B, thôn Ấ, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

5. Ông Cao Đức T2, sinh ngày 25/9/1975

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2021 đến năm 2023, tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, do biết được nhiều người khó khăn về tài chính, có nhu cầu vay tiền nên Nguyễn Anh T, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi nhuận. T sử dụng số tiền 143.000.000 đồng (do tiết kiệm mà có) để cho nhiều người trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với lãi suất từ 2.820 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng từ 103%/năm đến 182,5%/năm gấp từ 5,1 lần đến 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 *(20%/01 năm)*. Số tiền gốc thu được, T tiếp tục sử dụng để cho vay, mục đích để thu lợi nhuận.

Về hình thức cho vay, sau khi vay tiền, người vay sẽ phải trả một khoản tiền lãi cố định theo ngày, nếu vay trong thời gian dài thì 01 tháng chỉ tính tiền lãi 30 ngày, cho đến khi trả được hết số tiền gốc đã vay. Hình thức giao tiền là chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng hoặc đưa tiền mặt.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Anh T cho những người sau vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

1. Cho chị Vũ Trà M, trú tại thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 18/9/2021, T cho chị M vay 13.000.000 đồng, thoả thuận trả tiền lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) là 1.100.000 đồng/tháng (tương ứng tiền lãi là 2.820 đồng/1 triệu/1 ngày). Từ ngày 18/9/2021 đến ngày 18/4/2023 (19 tháng), chị M trả cho T tổng số tiền lãi là 20.900.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 103%/năm, gấp 5,1 lần mức lãi suất (*20%/năm*) quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (*sau đây gọi là số tiền lãi hợp pháp*), trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 4.060.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.840.000 đồng. Ngày 28/3/2023, chị M trả 13.000.000 đồng tiền gốc cho T.

Lần 2: Ngày 28/3/2023, T cho chị M vay 3.000.000 đồng, thoả thuận trả tiền lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) là 270.000 đồng/tháng (tương ứng lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày). Từ ngày 28/3/2023 đến ngày 28/10/2023 (7 tháng), chị M trả cho T tổng số tiền lãi là 1.890.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 108%, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi theo quy định là 345.000 đồng, số tiền T thu trái

pháp luật là 1.545.000 đồng. Tháng 11/2023, chị M trả hết 3.000.000 đồng tiền gốc cho T.

2. Chị Bàn Thị S1, trú tại thôn P, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần:

Ngày 31/3/2022, T cho chị S1 vay 15.000.000 đồng, thoả thuận trả tiền lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.800.000 đồng/tháng (tương ứng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày). Từ ngày 31/3/2022 đến ngày 30/11/2023 (20 tháng) chị S1 trả cho T tổng số tiền lãi là 36.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 4.932.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.069.000 đồng.

Từ ngày 30/11/2023, T và chị S1 thoả thuận lãi suất của khoản vay trên là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.350.000 đồng/tháng. Chị S1 trả lãi cho T từ ngày 30/11/2023 đến 30/12/2023 (01 tháng) với số tiền 1.350.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 108% gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: tiền lãi theo quy định là 247.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.103.000 đồng. Chị S1 chưa trả 15.000.000 đông tiền gốc cho T.

3. Anh Cao Đức C, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 16/5/2022, T cho anh C vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.200.000 đồng/tháng. Từ ngày 16/5/2022 đến 16/12/2023 (19 tháng), C trả cho T tổng số tiền lãi là 22.800.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi theo quy định là 3.123.000 đồng, số tiền T thu trái pháp luật là 19.677.000 đồng, hiện anh C chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho T.

Lần 2: Ngày 18/11/2023, T cho anh C vay 5.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 600.000 đồng/tháng. Từ ngày 18/11/2023 đến 18/12/2023 (01 tháng) anh C trả cho T số tiền lãi là 600.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 82.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 518.000 đồng, hiện anh C chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc cho T.

4. Anh Cao Đức T2, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 07 lần:

Lần 1: Ngày 18/4/2022, T2 cho anh Cao Đức T2 vay 20.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 18/4/2022 đến 18/6/2022 (02 tháng), anh Cao Đức T2 trả cho T2 số tiền lãi là là 6.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 182,5 % gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 658.000 đồng, số tiền thu lợi bất

chính là 5.342.000 đồng. Tháng 6/2022, anh Cao Đức T2 trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho T2.

Lần 2: Ngày 08/8/2022, T2 cho anh Cao Đức T2 vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Từ ngày 08/8/2022 đến 14/9/2022 (01 tháng 06 ngày), Cao Đức T2 trả cho T2 số tiền lãi là 1.800.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 182,5 % gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 197.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.603.000 đồng, lần vay này T2 chưa trả tiền gốc 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 14/9/2022, T2 cho anh Cao Đức T2 vay thêm 5.000.000 đồng, cộng với số tiền 10.000.000 đồng của khoản vay ngày 8/8/2022 thành khoản vay mới là 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất của khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 2.250.000 đồng/tháng. Từ ngày 14/9/2022 đến ngày 14/10/2022 (01 tháng) Cao Đức T2 trả cho T2 số tiền lãi là 2.250.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 182,5% gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 247.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.003.000 đồng, lần vay này T2 chưa trả tiền gốc 15.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 14/10/2022, T2 cho anh Cao Đức T2 vay thêm 5.000.000 đồng, cộng với số tiền 15.00.000 đồng của khoản vay ngày 14/9/2022 thành khoản vay mới là 20.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Từ ngày ngày 14/10/2022 đến ngày 14/9/2023 (11 tháng), Cao Đức T2 trả cho T2 với số tiền lãi là 33.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 182,5% gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 3.616.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 29.384.000 đồng. Ngày 12/9/2023, anh Cao Đức T2 trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho T2.

Lần 5: Ngày 15/9/2023, T2 cho anh Cao Đức T2 vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 25/9/2023 (10 ngày), Cao Đức T2 trả cho T2 số tiền lãi là 400.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 55.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 345.000 đồng, lần vay này T2 chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 6: Ngày 25/9/2023, T2 cho anh Cao Đức T2 vay thêm 10.000.000 đồng, cộng với 10.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/9/2023 thành khoản vay mới là 20.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 2.400.000 đồng/tháng. Từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/10/2023 (01 tháng), Cao Đức T2 trả cho T2 số tiền lãi là 2.400.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 329.000 đồng số tiền thu lợi bất chính là 2.071.000 đồng, từ ngày 25/10/2023, T2 không thu tiền lãi khoản vay 20.000.000 đồng trên.

Lần 7: Ngày 09/11/2023, T2 cho anh Cao Đức T2 vay thêm 20.000.000 đồng, cộng với 20.000.000 đồng của khoản vay ngày 25/9/2023 thành khoản vay mới là 40.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày). Từ ngày 09/11/2023 đến ngày 24/11/2023 (15 ngày), Cao Đức T2 trả cho T2 với số tiền lãi là 2.400.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 329.000 đồng số tiền thu lợi bất chính là 2.071.000 đồng. Ngày 24/11/2023 anh Cao Đức T2 đã trả 40.000.000 đồng tiền gốc cho T2.

5. Anh Phạm Hồng S, trú tại tổ dân phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 08 lần:

Lần 1: Ngày 04/11/2021, T2 cho anh S vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.200.000 đồng/ tháng. Từ ngày 04/11/2021 đến 04/01/2022 (02 tháng), S trả cho T2 với số tiền lãi là 2.400.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 329.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.071.000 đồng (từ ngày 04/01/2022 đến ngày 18/01/2022, T2 không thu tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng trên).

Lần 2: Ngày 18/01/2022, T2 cho anh S vay 5.000.000 đồng, cộng với số tiền 10.000.000 đồng của khoản ngày 04/01/2021 thành khoản vay mới là 15.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.800.000 đồng/tháng. Từ ngày 18/01/2022 đến 18/8/2022 (07 tháng), S trả cho T2 với số tiền lãi là 12.600.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 1.726.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.874.000 đồng (từ ngày 18/8/2022 đến ngày 08/9/2022, T2 không thu tiền lãi của khoản vay 15.000.000 đồng trên).

Lần 3: Ngày 08/9/2022, T2 cho anh S vay thêm 5.000.000 đồng, cộng với số tiền 15.000.000 đồng của khoản ngày 18/01/2022 thành khoản vay mới là 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 2.400.000 đồng/tháng. Từ ngày 08/9/2022 đến 08/3/2023 (06 tháng), S trả cho T2 với số tiền lãi là 14.400.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 1.973.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.427.000 đồng. Ngày 04/4/2023, anh S trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho T2.

Lần 4: Ngày 04/4/2023, T2 cho anh S vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 1.200.000 đồng/tháng. Từ ngày 04/4/2023 đến 14/5/2023 (01 tháng 10 ngày), S trả T2 với số tiền là 1.600.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong

đó: số tiền lãi hợp pháp là 219.000 đồng, số tiền T2 thu lợi bất chính là 1.381.000 đồng.

Lần 5: Ngày 15/5/2023, T2 cho anh S vay thêm 10.000.000 đồng, cộng với 10.000.000 đồng của khoản vay ngày 04/4/2023 thành khoản vay mới là 20.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 2.400.000 đồng/tháng. Từ ngày ngày 15/5/2023 đến 29/6/2023 (01 tháng 14 ngày), S trả cho T2 số tiền lãi là 3.520.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146 % gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 482.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.038.000 đồng.

Lần 6: Ngày 29/6/2023, T2 cho anh S vay thêm 20.000.000 đồng, cộng với số tiền 20.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/5/2023 thành khoản vay mới là 40.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 4.800.000 đồng/tháng. Từ ngày 29/6/2023 đến 29/7/2023 (01 tháng), S trả cho T2 với số tiền lãi là 4.800.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 658.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.142.000 đồng (từ ngày 30/7/2023 đến ngày 05/8/2023, T2 không thu tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng).

Lần 7: Ngày 05/8/2023, T2 cho anh S vay thêm 10.000.000 đồng, cộng với 40.000.000 đồng của khoản vay ngày 29/6/2023 thành khoản vay mới là 50.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 6.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 05/8/2023 đến 13/9/2023 (01 tháng 08 ngày), S trả cho T2 số tiền lãi là 7.600.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 1.041.000 đồng, số tiền T2 thu lợi bất chính là 6.559.000 đồng.

Lần 8: Ngày 14/9/2023, T2 cho anh S vay thêm 10.000.000 đồng, cộng với số tiền 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 05/08/2023 thành khoản vay mới là 60.000.000 đồng, thỏa thuận tiếp tục tính lãi suất của khoản vay này là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 7.200.000 đồng/tháng. Từ ngày 14/9/2023 đến 14/10/2023 (01 tháng), S trả cho T2 số tiền lãi là 7.200.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 986.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.214.000 đồng. Từ ngày 14/10/2023, T2 và anh S thoả thuận lãi suất của khoản vay trên là 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày) với số tiền 5.400.000 đồng. Từ ngày 14/10/2023 đến 14/11/2023 (01 tháng), S trả cho T2 số tiền lãi là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 986.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.414.000 đồng.

Từ ngày 14/11/2023, do khó khăn về kinh tế, anh S xin T2 không trả lãi mà chỉ trả dần tiền gốc, T2 đồng ý. Đến nay, anh S chưa trả 60.000.000 đồng tiền gốc cho T2.

Như vậy, quá trình điều tra xác định trong thời gian từ ngày 18/9/2021 đến ngày 30/12/2023, Nguyễn Anh T đã sử dụng 143.000.000 đồng tiền gốc ban đầu rồi quay vòng cho 05 người vay với tổng số tiền là 366.000.000 đồng, lãi suất từ 2.820 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với lãi suất từ 103%/năm đến 182,5%/năm. T3 tổng số tiền lãi là 191.310.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 26.619.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 164.691.000 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng).*

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSTP ngày 06 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3, Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 04 tháng.
Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Trà M, chị Bàn Thị S1, anh Phạm Hồng S, anh Cao Đức T2 và anh Cao Đức C không yêu cầu, đề nghị về dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.
- Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên:
- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Anh T khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay đã thu nợ được từ người vay là 53.000.000 đồng *(năm mươi ba triệu đồng).*Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của người vay là 26.619.000đồng *(hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng)*.
- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bàn Thị S1 số tiền 15.000.000 đồng *(mười năm triệu đồng)*; anh Cao Đức C số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng);* anh Phạm Hồng S số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng)* là khoản tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Anh T nhưng chưa trả.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 136, 331, 333 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Toà án buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Bị cáo Nguyễn Anh T không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến tại giai đoạn điều tra. Riêng anh Cao Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi thu lời bất chính mà thực tế bị cáo đã thu của anh số tiền 20.195.000 đồng *(Hai mươi triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Anh T nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương vì hoàn cảnh gia đình hiện nay phải một mình nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bản sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ khác. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 18/9/2021 đến ngày 30/12/2023, tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Anh T, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang sử dụng 143.000.000 đồng tiền gốc ban đầu để quay vòng cho 05 người vay với tổng số tiền là 366.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), cụ thể: cho Vũ Trà M, trú tại thôn G, xã H, huyện S; Bàn Thị S1, trú tại thôn P, xã C, huyện Y; C, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T; Cao Đức T2, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T; Phạm Hồng S, trú tại tổ dân phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với lãi suất từ 2.820 đồng/01 triệu/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng lãi suất từ 103%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 5,1 lần đến 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất *(20%/01 năm)* quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, mục đích để thu lợi nhuận.

Tổng số tiền lãi đã thu là 191.310.000 đồng *(Một trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm mười nghìn đồng)*, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 26.619.000 đồng, số tiền T2 thu lời bất chính là 164.691.000 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng)*.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có nhận thức, đã biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử thấy để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã lợi dụng sự khó khăn của một số người do cần tiền ngay để giải quyết nhu cầu cá nhân, bị cáo đưa ra thủ tục vay tiền, đơn giản nhanh gọn, có tiền ngay không cần thế chấp tài sản để thu hút người dân vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời, động cơ phạm tội là vụ lợi, mục đích là lấy được tiền của những người vay qua hình thức thu tiền lãi. Do đó, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh, để nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như giáo dục ý thức pháp luật chung trong quần chúng nhân dân.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm i, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét bị cáo Nguyễn Anh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo. Hình phạt mà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4].Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 40.000.000 đồng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[5]. Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 143.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi ba triệu đồng)* bị cáo Nguyễn Anh T sử dụng cho chị Vũ Trà M, chị Bàn Thị S1, anh Phạm Hồng S, anh Cao Đức T2, anh Cao Đức C vay là số tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, tuy nhiên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bàn Thị S1 chưa trả cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đồng *(mười năm triệu đồng)*, anh Cao Đức C chưa trả cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đông *(mười lăm triệu đồng)*, anh Phạm Hồng S chưa trả cho bị cáo số tiền là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng),* nên cần buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải nộp 53.000.000 đồng *(năm mươi ba triệu đồng)*, chị Bàn Thị S1 phải nộp

15.000.000 đồng *(mười năm triệu đồng)*, anh Cao Đức C phải nộp 15.000.000 đông *(mười lăm triệu đồng)*, anh Phạm Hồng S phải nộp 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

-Đối với khoản tiền lãi 26.619.000 đồng (*hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng)* không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay chị Vũ Trà M, chị Bàn Thị S1, anh Cao Đức T2, anh Cao Đức C và anh Phạm Hồng S mà bị cáo đã thu của người vay nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T cho UBND phường Đ, thành phố T, nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Phạt tiền bị cáo Nguyễn Anh T 40.000.000đ *(bốn mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Anh T số tiền 53.000.000 đồng *(năm mươi ba triệu đồng)* và số tiền 26.619.000 đồng *(hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước. Tổng cộng hai khoản tiền truy thu trên là 79.619.000 đồng *(Bảy mươi chín triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng*).

Truy thu của chị Bàn Thị S1 số tiền 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của anh Cao Đức C số tiền 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của anh Phạm Hồng S số tiền 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Trà M, chị Bàn Thị S1, anh Cao Đức T2, anh Cao Đức C và anh Phạm Hồng S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Hà Hữu Bình – Trần Thế Dũng	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà